

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 01/7/2020

“V/v tranh chấp về hôn nhân  
và gia đình ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Văn Thảo;
2. Bà Trịnh Trần Tuyết Trinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về “tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2020/QĐHPT ngày 12/6/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số nhà 193/5, đường T, khóm 02, phường A, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Lộc Vũ H, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Số nhà 193/5, đường T, khóm 02, phường A, thành phố C, tỉnh An Giang.

Người làm chứng: Em Nguyễn Văn T, sinh năm: 2002,

Địa chỉ: Số nhà 193/5, đường T, khóm 02, phường A, thành phố C, tỉnh An Giang.

Chị Lê Thị Tuyết M có đơn yêu cầu xét vắng mặt;

Anh Nguyễn Lộc Vũ H vắng mặt;

Em Nguyễn Văn T có yêu cầu xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết M cho rằng, chị và anh Nguyễn Lộc Vũ H quen biết nhau và kết hôn năm 2000. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú A, thị xã (nay là thành phố) Châu Đốc, tỉnh An Giang ngày 06/9/2000.

Thời gian đầu hạnh phúc, nhưng thời gian nhiều năm nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông H tính tình gia trưởng, thường xuyên quát nạt, chửi rủa và đánh đập. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị kiện ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng sanh 02 con chung tên: Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 04/11/2000 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 09/3/2002 (Tất cả đều trưởng thành);

Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng cháu Nguyễn Văn T trình bày:*

Cháu (T) và cha (H) ở chung nhà tại địa chỉ: Số nhà 193/5, đường Trần Hưng Đạo, khóm 02, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Tòa án tổng đặt Thông báo thụ lý vụ án số 74/TB – TLVA ngày 24/02/2020, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải số 74/TB – TA ngày 24/02/2020, Thông báo thu thập tài liệu chứng cứ ngày 24/02/2020, Thông báo công khai tài liệu chứng cứ ngày 16/4/2020..., cháu (T) là người ký nhận và niêm yết tại nhà, Ban khóm và tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc. Trong lời khai Trung khai nhận đã giao cho cha, nhưng nghe nói là cha không đến Tòa án.

Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Lộc Vũ H (cháu Nguyễn Văn T là con trai của ông H nhận qua trung gian các văn bản tố tụng của Tòa án và niêm yết) nhưng ông H không cung cấp ý kiến và không đến Tòa án tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh: Ông Hà Quốc Thanh, Phó Ban khóm 2, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc cung cấp: Ông Nguyễn Lộc Vũ H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số nhà 193/5, đường Trần Hưng Đạo, khóm 02, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Ông Hòa và bà Tuyết Mai chung sống với nhau có sanh hai con chung tên: Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 04/11/2000 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 09/3/2002 (Tất cả đã trưởng thành); hiện nay bà M và ông H không còn sống chung với nhau, bà M đi làm thuê ở

thành phố Hồ Chí Minh, ông H hiện vẫn còn sinh sống tại địa phương, sáng đi làm đến tối mới về nhà.

*Tại phiên toà, hội đồng xét xử công bố:*

Lời khai của nguyên đơn và cháu Nguyễn Văn T;

Kết quả xác minh của Ban nhóm 2, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

\* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

*Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

\*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không tham gia trong quá trình giải quyết vụ án là vi phạm quy định Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay bà M có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Hòa vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về việc giải quyết vụ án:*

Quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông H có đăng ký kết hôn nên xem là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của bà M cũng như biên bản xác minh ngày 21/5/2020 thể hiện giữa bà M và ông H không còn sống chung với nhau, mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đồng thời, Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng qua các phiên hòa giải ông H đều không đến, Nhận thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chăm sóc và chung sống với nhau, tuy nhiên vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay cho thấy tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được. Nên bà M yêu cầu ly hôn với ông Hòa là có căn cứ chấp nhận.

*Về con chung:* Có 02 con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên căn cứ theo quy định Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*\* Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Chị Lê Thị Tuyết M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Lộc Vũ H. Đồng thời, anh H cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*\* Về nội dung:*

[1] Đối với quan hệ hôn nhân, chị M và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú A, thị xã Châu Đốc (nay thành phố Châu Đốc), tỉnh An Giang; giấy chứng nhận kết hôn số 170/HT, quyền số 01/2000 ngày 06/9/2000 nên hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị M trình bày, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, vài năm gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H tính tính gia trưởng, thường xuyên xúc phạm và đánh đập chị, cuộc sống chung không hòa hợp nên chị và anh H không còn sống chung với nhau.

Kết quả xác minh được Ban khóm 2, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang cung cấp: Hiện nay anh H và chị M không còn sống chung với nhau, chị M hiện đi làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh, còn anh H sống tại địa chỉ: Số nhà 193/5, đường Trần Hưng Đạo, khóm 02, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Mâu thuẫn vợ chồng như thế nào thì địa phương không biết.

Xét thấy, chị M và anh H hiện nay không còn sống chung với nhau.

Khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ, chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”; Xét thấy, chị M và anh H

không còn sống chung thời gian dài là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ.

[2] Về con chung:

Chị M khai trong thời kỳ hôn nhân sanh hai con chung tên: Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 04/11/2000 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 09/3/2002 (Tất cả đã trưởng thành), nên không đề cập đến giải quyết.

[3] Về tài sản chung:

Chị M khai không có nên không đề cập đến giải quyết. Nếu anh H có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về nợ chung:

Chị M khai tự thỏa thuận nên không đề cập đến giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Chị M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tuyết M.

[1] Về hôn nhân:

Chị Lê Thị Tuyết M được ly hôn anh Nguyễn Lộc Vũ H.

[2] Về án phí:

Chị Lê Thị Tuyết M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003636 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Lộc Vũ H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng của chị Lê Thị Tuyết M và anh Nguyễn Lộc Vũ H 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- UBND phường Châu Phú A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Kiều Nga**